

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 10567
	Giờ Ngày 1 Tháng 4 năm 13

Không
K. T. Anh
Ng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2012)
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2012)
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2012)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2012)
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2012)
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2013

Số: 0397 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013, từ trang 4 đến trang 35. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) thay thế thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng Công ty TNHH MTV Vận tải Thủy bộ Dung Quất – Vinashin, một Công ty con của Tổng Công ty, đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty con này trên báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày theo giá gốc như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi xin lưu ý về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, các công ty con của Tổng Công ty, như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc một số công ty con của Tổng Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao phương tiện vận tải như trình bày tại Thuyết minh số 4 và số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2012 sẽ tăng thêm 25.845.885.714 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty trong năm 2012 sẽ giảm với số tiền tương ứng.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.227.642.789.630	2.920.244.455.821
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.088.991.821.550	819.863.449.693
1. Tiền	111		163.837.805.112	174.528.564.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		925.154.016.438	645.334.885.652
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	142.334.829.900	471.947.307.700
1. Đầu tư ngắn hạn	121		146.523.710.080	476.649.710.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.188.880.180)	(4.702.402.380)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.880.860.588.203	1.479.335.872.689
1. Phải thu khách hàng	131		937.350.646.045	703.165.648.913
2. Trả trước cho người bán	132		890.659.714.313	629.867.106.887
3. Các khoản phải thu khác	135		198.545.525.468	184.416.250.748
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(145.695.297.623)	(38.113.133.859)
IV. Hàng tồn kho	140	7	83.263.659.560	93.665.360.887
1. Hàng tồn kho	141		83.263.659.560	93.665.360.887
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.191.890.417	55.432.464.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.751.282.812	18.281.884.881
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.271.186.700	201.272.060
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	5.395.007.110	29.390.588.178
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.774.413.795	7.558.719.733

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.704.343.699.192	5.108.651.551.414
I. Tài sản cố định	220		4.150.272.475.138	4.740.253.453.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.499.915.149.399	4.153.828.009.760
- Nguyên giá	222		5.184.725.476.863	6.169.908.358.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.684.810.327.464)	(2.016.080.348.998)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.965.150.093	8.796.055.476
- Nguyên giá	228		4.451.250.670	9.808.268.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.486.100.577)	(1.012.213.359)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	647.392.175.646	577.629.388.360
II. Bất động sản đầu tư	240	12	8.511.460.000	8.511.460.000
1. Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		345.395.418.451	153.047.793.848
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	113.461.769.822	101.882.818.736
2. Góp vốn liên doanh	253	14	1.227.009.701	1.025.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	233.063.276.252	56.496.612.436
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(2.356.637.324)	(6.356.637.324)
IV. Lợi thế thương mại	260		2.129.691.737	2.839.592.002
V. Tài sản dài hạn khác	270		198.034.653.866	203.999.251.968
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	17	188.272.086.678	185.723.760.432
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	18	4.914.875.685	1.482.506.058
3. Tài sản dài hạn khác	273		4.847.691.503	16.792.985.478
TỔNG TÀI SẢN	280		7.931.986.488.822	8.028.896.007.235

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đình Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

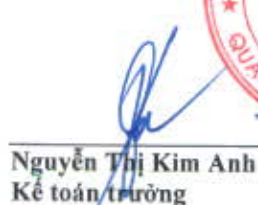
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.619.152.846.562	5.032.525.399.308
I. Nợ ngắn hạn	310		1.596.304.122.494	1.510.215.554.502
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	944.152.845.914	785.481.513.551
2. Phải trả người bán	312		405.196.547.681	430.342.906.894
3. Người mua trả tiền trước	313		9.199.808.010	17.751.296.838
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	34.323.201.914	45.752.458.667
5. Phải trả người lao động	315		74.781.806.161	44.726.762.300
6. Chi phí phải trả	316		77.598.665.637	108.533.793.135
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		47.492.193.249	73.390.396.778
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.559.053.928	4.236.426.339
II. Nợ dài hạn	330		3.022.848.724.068	3.522.309.844.806
1. Phải trả dài hạn khác	333		16.989.901.398	4.614.217.969
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	3.005.858.822.670	3.517.393.619.045
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	302.007.792
B. NGUỒN VỐN	400		2.589.507.174.209	2.274.448.141.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.589.507.174.209	2.274.448.141.887
1. Vốn chủ sở hữu	411		2.326.000.000.000	2.326.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(211.820.603.051)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		128.013.266.068	95.617.838.717
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		23.115.069.932	17.246.831.519
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.187.816.834	2.878.356.342
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		106.191.021.375	44.525.718.360
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	23	723.326.468.051	721.922.466.040
TỔNG NGUỒN VỐN	600		7.931.986.488.822	8.028.896.007.235


Nguyễn Bá Công
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.460.839.478.870	4.157.452.447.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		261.350.489	620.240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	4.460.578.128.381	4.157.451.826.975
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.999.279.912.644	3.763.757.646.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		461.298.215.737	393.694.180.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	158.119.066.700	251.806.552.733
7. Chi phí tài chính	22	29	504.453.919.026	472.222.288.408
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		133.107.134.244	166.998.351.691
8. Chi phí bán hàng	24		9.169.204.472	2.620.425.460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		238.818.639.037	135.267.106.312
10. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(133.024.480.098)	35.390.913.034
11. Thu nhập khác	31		488.937.016.746	65.898.709.785
12. Chi phí khác	32		337.310.925.650	48.402.314.774
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	151.626.091.096	17.496.395.011
14. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	50	13 - 14	14.582.466.783	12.776.347.489
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		33.184.077.781	65.663.655.534
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	31	29.036.292.342	23.176.642.922
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	62	18	(3.432.369.627)	(784.645.513)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		7.580.155.066	43.271.658.125
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		23	(101.706.661.417)	17.986.970.885
- Cổ đông của Tổng Công ty			109.286.816.483	25.284.687.240
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	32	470	109


Nguyễn Bá Công
 Người lập biểu
 Ngày 27 tháng 03 năm 2013


Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.184.077.781	65.663.655.534
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	365.782.562.115	406.921.517.435
Các khoản dự phòng	03	107.068.641.564	20.273.853.133
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	333.246.383.986	192.116.792.349
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(306.165.154.472)	(210.424.897.172)
Chi phí lãi vay	06	133.107.134.244	166.998.351.691
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	666.223.645.218	641.549.272.970
Thay đổi các khoản phải thu	09	(149.415.282.168)	(389.120.001.704)
Thay đổi hàng tồn kho	10	10.401.701.327	19.000.211.044
Thay đổi các khoản phải trả	11	192.981.540.367	157.805.474.646
Thay đổi chi phí trả trước	12	16.736.626.452	5.392.495.064
Tiền lãi vay đã trả	13	(105.973.457.221)	(168.718.430.601)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.266.029.401)	(20.464.254.325)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.945.293.975	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.215.694.062)	(12.781.525.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	612.418.344.487	232.663.241.694
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(94.317.462.442)	(107.476.479.036)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	57.295.727.275	301.073.476
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(251.414.508.952)	(457.887.455.096)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	404.973.845.136	80.657.414.164
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	140.335.898.129	116.301.081.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	256.873.499.146	(368.104.364.852)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	109.512.964.427	734.689.382.130
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(742.835.027.751)	(889.511.475.896)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	33.059.144.526	11.362.480.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(600.262.918.798)	(143.459.613.366)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	269.028.924.835	(278.900.736.524)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	819.863.449.693	1.098.494.491.090
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	99.447.022	269.695.127
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	1.088.991.821.550	819.863.449.693

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định không bao gồm số tiền 406.596.000.000 đồng (2011: không đồng) là khoản thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định trong năm nhưng chưa thu tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và đầu tư xây dựng không bao gồm số tiền 5.376.754.414 đồng (2011: 3.031.817.616 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được không bao gồm số tiền 282.240.000.000 đồng (năm 2011: không đồng) là số tiền vay dài hạn được bên cho vay chuyển tiền trực tiếp cho người bán như một khoản trả trước của Tổng Công ty. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Bá Công
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty mẹ là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 05 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 05 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 587 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 536 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty Vũng Tàu") là công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500819392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Vũng Tàu là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước, kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải Dầu khí Vũng Tàu là 95%; 95% và 99,7%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty Hà Nội") là công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102396287 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty Hà Nội là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; mua bán vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu khí khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Hà Nội là 97,25%; 97,25% và 99,62%.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Nam") là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305662230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 04 năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 04 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Phương Nam là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Nam là 53,75%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty Thái Bình Dương") là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2009 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 04 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 1 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Thái Bình Dương là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Thái Bình Dương là 51%, 64,92% và 64,92%.

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty Quốc tế") là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Quốc tế là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quốc tế lần lượt là 67,74%, 69,8% và 67,74%. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty Quốc tế mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, một công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty Đông Dương") là công ty được thành lập vào ngày 25 tháng 07 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Đông Dương là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và xăng dầu và cho thuê xe hạng sang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Đông Dương lần lượt là 38,67%; 73% và 38,67%.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty Cửu Long") là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 06 năm 2007 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cửu Long là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Cửu Long lần lượt là 22,63%; 60% và 22,63%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty Phương Đông Việt") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Đông Việt là 54,27%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (gọi tắt là "Công ty Quảng Ngãi") trước đây là chi nhánh ở Quảng Ngãi của Công ty mẹ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300560786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 12 năm 2010. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Quảng Ngãi là kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); cho thuê xe có động cơ; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quảng Ngãi lần lượt là 95%; 99,87% và 99,87%.

Công ty TNHH MTV Vận tải Thủy bộ Dung Quất – Vinashin (gọi tắt là "Công ty Dung Quất") trước đây là công ty con của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, được thành lập theo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300347377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Dung Quất là kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Dung Quất lần lượt là 0%, 100% và 0%. Tổng Công ty đã quyết định giải thể công ty này theo quyết định số 52/QĐ-VTDK-HDQT ngày 29 tháng 8 năm 2011. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, các thủ tục giải thể vẫn chưa hoàn tất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Phương Nam phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 366.963.849.375 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 189.036.303.684 đồng), nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 398.386.710.914 đồng (2011: 374.585.097.541 đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty Phương Nam phụ thuộc vào sự tiếp tục hỗ trợ vốn từ các cổ đông của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính của Công ty Phương Nam được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Tổng Công ty, cổ đông chính đã cam kết tiếp tục hỗ trợ về tài chính để Công ty Phương Nam thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Phương Đông Việt phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 106.252.581.177 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 60.326.672.091 đồng), nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 25.040.530.402 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 48.053.783.375 đồng). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Phương Đông Việt đã và đang tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, cơ cấu nguồn vốn cho các năm tiếp theo để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của các cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty mẹ và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là năm năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

12500
HI NH
CÔNG
NHIỆM
ELOI
IET N
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 25
Thiết bị văn phòng	02 - 08

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty Vũng Tàu quyết định thay đổi thời gian khấu hao của tàu vận chuyển từ 12 năm lên 25 năm, Công ty Hà Nội thay đổi thời gian khấu hao của tàu vận chuyển từ 10 năm lên 25 năm và Công ty Đông Dương thay đổi thời gian khấu hao của phương tiện vận tải từ 8 năm lên 10 năm. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng thời gian khấu hao này phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng tài sản của các tài sản này.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đình Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu định kỳ, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 211.820.603.051 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 211.820.603.051 đồng và của khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	3.026.515.574	2.727.795.811
Tiền gửi ngân hàng	160.811.289.538	171.800.768.230
Các khoản tương đương tiền	925.154.016.438	645.334.885.652
	1.088.991.821.550	819.863.449.693

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam và đồng Đô la Mỹ có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng với lãi suất được hưởng của khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam từ 7,8% đến 9% một năm, của khoản tiền gửi bằng đồng Đô la Mỹ là 0,5% một năm (31 tháng 12 năm 2011: Chỉ có tiền gửi bằng đồng Việt Nam với lãi suất được hưởng từ 6% đến 14% một năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có khoản tương đương tiền trị giá 10 tỷ đồng là tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và khoản tương đương tiền trị giá 50 tỷ đồng là tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.403.710.080	6.343.170.080
Đầu tư ngắn hạn khác	140.120.000.000	470.306.540.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.188.880.180)	(4.702.402.380)
	142.334.829.900	471.947.307.700

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn trên ba tháng tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng với lãi suất được hưởng từ 9% đến 11% một năm (31 tháng 12 năm 2011: 14% một năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có tiền gửi trị giá 5 tỷ đồng được dùng để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 15 tháng 08 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.196.137.953	83.600.637.737
Công cụ, dụng cụ	12.390.212.850	5.675.301.615
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.690.914.929
Hàng hoá	2.677.308.757	2.698.506.606
	83.263.659.560	93.665.360.887

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	5.395.007.110	29.383.804.986
Thuế khác	-	6.783.192
	5.395.007.110	29.390.588.178

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	545.454.545	7.720.578.285	6.152.912.975.545	8.729.350.383	6.169.908.358.758
Tăng trong năm	-	1.664.256.235	22.666.530.009	1.420.733.763	25.751.520.007
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.428.571)	(1.009.934.445.589)	(982.527.742)	(1.010.934.401.902)
Điều chỉnh khác	-	27.167.000	105.390.517	(132.557.517)	-
Tại ngày 31/12/2012	545.454.545	9.394.572.949	5.165.750.450.482	9.034.998.887	5.184.725.476.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	(54.545.455)	(2.915.288.476)	(2.006.492.295.777)	(6.618.219.290)	(2.016.080.348.998)
Khấu hao trong năm	(54.545.463)	(1.253.599.302)	(362.537.355.669)	(1.463.174.463)	(365.308.674.897)
Thanh lý, nhượng bán	-	17.428.571	695.578.740.118	982.527.742	696.578.696.431
Điều chỉnh khác	-	274.092.423	(250.101.203)	(23.991.220)	-
Tại ngày 31/12/2012	(109.090.918)	(3.877.366.784)	(1.673.701.012.531)	(7.122.857.231)	(1.684.810.327.464)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	436.363.627	5.517.206.165	3.492.049.437.951	1.912.141.656	3.499.915.149.399
Tại ngày 31/12/2011	490.909.090	4.805.289.809	4.146.420.679.768	2.111.131.093	4.153.828.009.760

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 21, Tổng Công ty đã thể chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 3.733.622.364.059 đồng và 2.567.189.983.684 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.708.196.896.726 đồng và 2.773.664.167.657 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng công ty có một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 17.428.571 đồng, 5.563.746.082 đồng và 6.537.482.711 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 17.428.571 đồng, 5.563.746.082 đồng và 3.608.233.872 đồng).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty Đồng Dương, Công ty Vũng Tàu và Công ty Hà Nội đã thay đổi tỷ lệ khấu hao phương tiện vận tải của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng và thời gian sử dụng tài sản của Công ty. Nếu các Công ty tính khấu hao theo tỷ lệ trước đây, chi phí khấu hao trong năm sẽ tăng thêm 25.845.885.714 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	7.964.238.165	1.717.690.120	126.340.550	9.808.268.835
Tăng trong năm	88.593.120	307.220.000	-	395.813.120
Điều chỉnh khác	(5.752.831.285)	-	-	(5.752.831.285)
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.300.000.000</u>	<u>2.024.910.120</u>	<u>126.340.550</u>	<u>4.451.250.670</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	(54.588.166)	(915.511.676)	(42.113.517)	(1.012.213.359)
Khấu hao trong năm	(34.352.676)	(397.421.025)	(42.113.517)	(473.887.218)
Tại ngày 31/12/2012	<u>(88.940.842)</u>	<u>(1.312.932.701)</u>	<u>(84.227.034)</u>	<u>(1.486.100.577)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.211.059.158</u>	<u>711.977.419</u>	<u>42.113.516</u>	<u>2.965.150.093</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>7.909.649.999</u>	<u>802.178.444</u>	<u>84.227.033</u>	<u>8.796.055.476</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có một số phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 447.355.300 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 279.209.350 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án mua mới tàu chở dầu	11.207.921.857	258.218.189
Dự án đóng mới tàu chở dầu	634.541.530.611	577.218.039.262
Dự án xây dựng trạm dừng	36.277.500	153.130.909
Dự án khác	1.606.445.678	-
	<u>647.392.175.646</u>	<u>577.629.388.360</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện các chi phí phát sinh tới ngày 31 tháng 12 năm 2012 của dự án đóng mới tàu chở dầu với tải trọng 105.000 DWT và dự án mua mới tàu chở dầu tải trọng 104.000 DWT do Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện. Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị của các dự án đóng tàu này trong năm 2012 với số tiền là 45.413.441.098 đồng (năm 2011: 49.331.561.036 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, con tàu này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 8.511.460.000 đồng). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tương đương với giá trị ghi sổ nên không cần phải trích lập dự phòng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC. Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 04 năm 2010. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thay đổi so với 31 tháng 12 năm 2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	98.000.000.000	98.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	15.461.769.822	3.882.818.736
Tổng cộng	113.461.769.822	101.882.818.736
Tổng tài sản	344.732.938.800	340.318.953.168
Tổng công nợ	(113.178.306.510)	(132.394.833.298)
Tài sản thuần	231.554.632.290	207.924.119.870
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	113.461.769.822	101.882.818.736
	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu thuần	411,447,431,368	387,954,782,778
Lợi nhuận thuần	29,347,871,596	26,074,178,549
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	14,380,457,082	12,776,347,489

14. GÓP VỐN LIÊN DOANH

Đầu tư góp vốn liên doanh thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty TNHH PVTrans Emas. Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và thay đổi ngày 8 tháng 12 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thay đổi so với 31 tháng 12 năm 2011. Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cấu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên doanh của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.025.000.000	1.025.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	202.009.701	-
Tổng cộng	1.227.009.701	1.025.000.000
Tổng tài sản	90.857.955.202	2.050.000.000
Tổng công nợ	(88.403.935.801)	-
Tài sản thuần	2.454.019.401	2.050.000.000
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.227.009.701	1.025.000.000
	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu thuần	243.321.191.466	-
Lợi nhuận thuần	404.019.401	-
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	202.009.701	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bệnh viện Hữu Nghị	-	547.845.136
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
PV KEEZ Pte Ltd	63.052.276.252	45.937.767.300
Đầu tư dài hạn khác	160.000.000.000	-
	233.063.276.252	56.496.612.436

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn thể hiện khoản góp vốn theo Biên bản số 3845/BB-DKVN ngày 3 tháng 7 năm 2008 của Petro Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã góp 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã góp 3.205.425 đô la Mỹ (31 tháng 12 năm 2011: 2.389.343 đô la Mỹ).

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn mười ba tháng tại các ngân hàng, với lãi suất được hưởng là 11% một năm (năm 2011: không đồng).

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty trích lập dự phòng 100% cho khoản lỗ của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Thủy bộ Dung Quất – Vinashin với số tiền 2.356.637.324 đồng tương ứng với giá trị khoản lỗ còn lại (31 tháng 12 năm 2011: 6.356.637.324 đồng) do công ty này đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục giải thể. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	177.368.535.272	127.739.514.401
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	5.381.235.551	12.402.720.336
Chi phí dài hạn khác	5.522.315.855	45.581.525.695
	188.272.086.678	185.723.760.432

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và dự phòng VND
Tại ngày 01/01/2011	697.860.545
Tính vào lợi nhuận trong năm	784.645.513
Tại ngày 31/12/2011	1.482.506.058
Tính vào lợi nhuận trong năm	3.432.369.627
Tại ngày 31/12/2012	4.914.875.685

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	12/31/2012	12/31/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	49.761.872.200	171.253.056.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 21)	894.390.973.714	614.228.457.551
	944.152.845.914	785.481.513.551

Vay ngắn hạn bao gồm:

- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Mạc Thị Bưởi với số tiền vay là 37 tỷ đồng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Thái Bình Dương. Khoản vay này chịu lãi suất 8% một năm, được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 50 tỷ đồng tại ngân hàng này và đáo hạn vào ngày 27 tháng 01 năm 2013. Lãi vay và nợ gốc đã được hoàn trả tại ngày đáo hạn.
- Khoản vay ủy thác từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng với số tiền vay 12.761.872.200 đồng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Đông Dương. Khoản vay chịu lãi suất 5% một năm, thời hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 330/HĐTD được đảm bảo bởi tài khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn số VB 0083004 và VB 0083005 với tổng giá trị là 10.000.000.000 đồng.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.714.873.925	19.470.423.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.870.824.111	13.629.754.859
Thuế thu nhập cá nhân	4.790.828.071	-
Thuế nhà thầu	3.234.742.170	-
Thuế khác	711.933.637	12.652.280.774
	34.323.201.914	45.752.458.667

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước trong năm như sau:

	1/1/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.510.640.888	185.363.521.016	185.033.048.465	19.841.113.439
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	67.754.460	1.309.592.725	1.177.293.949	200.053.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(15.754.050.127)	49.118.916.962	32.871.049.834	493.817.001
Thuế thu nhập cá nhân	5.196.615.530	23.445.966.310	23.780.497.276	4.862.084.564
Thuế nhà thầu	7.383.898.850	11.804.046.338	15.640.354.606	3.547.590.582
Thuế môn bài	-	23.300.000	23.300.000	-
Thuế khác	1.535.982	2.956.609.654	2.956.609.654	1.535.982
Tổng	16.406.395.583	274.021.953.005	261.482.153.784	28.946.194.804
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu	(29.390.588.178)			(5.395.007.110)
Thuế và các khoản phải nộp	45.796.983.761			34.323.201.914

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 1.132.162.600.000 đồng, 231.159.714 đô la Mỹ và 15.697.500.000 (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ) (năm 2011: 1.086.584.166.800 đồng, 181.166.702 đô la Mỹ và 15.697.500.000 yên Nhật (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ)). Các khoản vay này được đảm bảo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,34% đến 6,15% một năm cho khoản vay bằng tiền đô la Mỹ và lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88% - 4,5% một năm hoặc lãi suất là 0,1% - 6,15%/một năm cho khoản vay bằng tiền đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	12/31/2012	12/31/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	894.390.973.714	614.228.457.551
Trong năm thứ hai	533.432.176.413	494.784.333.206
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.368.012.850.036	1.412.222.954.737
Sau năm năm	1.104.413.796.221	1.610.386.331.102
	3.900.249.796.384	4.131.622.076.596
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(894.390.973.714)	(614.228.457.551)
Số phải trả sau 12 tháng	3.005.858.822.670	3.517.393.619.045

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	232.600.000	232.600.000
+ Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	232.600.000	232.600.000
+ Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông lớn tại ngày khóa sổ như sau:

	Tại ngày 31/12/2012 và 31/12/2011	
	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	193.485.380.000	8,3

Chi tiết thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	2.326.000.000.000	(125.167.187.659)	43.190.330.243	16.885.683.047	2.406.590.870	78.857.790.859	2.342.173.207.360
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	25.284.687.240	25.284.687.240
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	192.116.792.349	-	-	-	-	192.116.792.349
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối năm	-	(332.566.751.016)	-	-	-	-	(332.566.751.016)
Phân phối quỹ	-	-	73.394.843.108	1.814.374.762	471.765.472	(78.031.997.491)	(2.351.014.149)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(20.523.483.091)	(1.231.300.519)	-	22.147.573.266	392.789.656
Giảm khác	-	53.796.543.275	(443.851.543)	(221.925.771)	-	(3.732.335.514)	49.398.430.447
Tại ngày 31/12/2011	2.326.000.000.000	(211.820.603.051)	95.617.838.717	17.246.831.519	2.878.356.342	44.525.718.360	2.274.448.141.887
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	109.286.816.483	109.286.816.483
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	337.346.299.793	-	-	-	-	337.346.299.793
Phân phối quỹ	-	-	32.395.427.351	5.868.238.413	3.309.460.492	(46.341.209.179)	(4.768.082.923)
Giảm khác	-	(125.301.590.746)	-	-	-	(1.280.304.289)	(1.280.304.289)
Tại ngày 31/12/2012	2.326.000.000.000	-	128.013.266.068	23.115.069.932	6.187.816.834	106.191.021.375	2.589.507.174.209

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Ving Tiu USD	Công ty Hà Nội USD	Công ty Phượng Nam USD	Công ty Thái Bình Dương USD	Công ty Sân phẩm khí USD	Công ty Đồng Dương USD	Công ty Cầu Long USD	Công ty Phương Đông Việt USD	Công ty Quang Ngãi USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011									
Vốn điều lệ của công ty con	76.231.682.000	78.100.000.000	382.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	140.000.000.000	7.600.000.000
Trong đó:									
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	76.000.000.000	77.800.000.000	205.632.000.000	612.000.000.000	203.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	75.974.870.000	7.600.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	231.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0,30%	0,38%	46,25%	35,08%	32,26%	61,33%	77,37%	45,73%	0,00%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012									
Vốn điều lệ của công ty con	76.231.682.000	78.100.000.000	382.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	140.000.000.000	7.610.000.000
Trong đó:									
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	76.000.000.000	77.800.000.000	205.632.000.000	612.000.000.000	203.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	75.974.870.000	7600000000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	231.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0,30%	0,38%	46,25%	35,08%	32,26%	61,33%	77,37%	45,73%	0,13%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Vốn của cổ đông thiểu số	Công ty Vàng Tàu VNĐ	Công ty Hà Nội VNĐ	Công ty Phước Nam VNĐ	Công ty Thái Bình Dương VNĐ	Công ty Sân phẩm khí VNĐ	Công ty Đồng Dương VNĐ	Công ty Cửa Long VNĐ	Công ty Phước Đông Việt VNĐ	Công ty Quảng Ngãi VNĐ	Tổng VNĐ
Thặng dư vốn cổ phần	211.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	121.291.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	-	932.833.452.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	-	(33.841.335)	(64.676.059.039)	(30.048.466.517)	1.669.297.131	-	-	(30.543.223.855)	-	(125.301.590.746)
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.786.120.692	834.648.566	-	-	-	-	1.669.297.131
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12.240.190	3.503.554	(87.427.674.901)	657.740.218	26.517.439.305	(4.464.470.782)	1.791.456.855	(27.588.735.879)	-	2.620.769.258
Lợi nhuận chưa phân phối	243.932.190	369.662.219	24.829.346.660	303.254.714.230	150.312.385.002	56.865.539.218	179.753.736.855	6.393.170.266	-	(91.047.201.821)
										721.922.466.040

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Vốn của cổ đông thiểu số	Công ty Vàng Tàu VNĐ	Công ty Hà Nội VNĐ	Công ty Phước Nam VNĐ	Công ty Thái Bình Dương VNĐ	Công ty Sân phẩm khí VNĐ	Công ty Đồng Dương VNĐ	Công ty Cửa Long VNĐ	Công ty Phước Đông Việt VNĐ	Công ty Quảng Ngãi VNĐ	Tổng VNĐ
Thặng dư vốn cổ phần	211.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	121.291.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000	932.833.452.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	2.646.607.640	-	-	-	-	2.646.607.640
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.895.160.528	1.874.852.547	-	-	-	-	3.770.013.075
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.612.285	4.266.101	(169.717.644.168)	657.740.218	551.551.099	(6.876.866.740)	7.326.764.673	(48.591.680.876)	4.808.232	(217.722.468.824)
Lợi nhuận chưa phân phối	246.294.285	304.266.101	7.215.435.832	309.517.273.551	150.263.190.150	54.453.133.260	185.378.617.516	15.933.449.124	14.808.232	723.326.468.051

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

Năm 2011

Lợi nhuận (lỗ) trong năm	Công ty Vàng Tàu VNĐ	Công ty Hà Nội VNĐ	Công ty Phước Nam VNĐ	Công ty Thái Bình Dương VNĐ	Công ty Sân phẩm khí VNĐ	Công ty Đồng Dương VNĐ	Công ty Cửa Long VNĐ	Công ty Phước Đông Việt VNĐ	Công ty Quảng Ngãi VNĐ	Tổng VNĐ
Lợi nhuận (lỗ) của cổ đông thiểu số	-	-	(80.061.480.363)	21.744.487.808	38.195.843.174	260.615.253	4.783.938.196	(46.655.957.597)	-	(61.732.553.529)
từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	(37.027.750.375)	7.628.738.579	10.664.301.606	159.835.335	3.701.567.603	(21.336.812.503)	-	(36.210.119.755)

Năm 2012

Lợi nhuận (lỗ) trong năm	Công ty Vàng Tàu VNĐ	Công ty Hà Nội VNĐ	Công ty Phước Nam VNĐ	Công ty Thái Bình Dương VNĐ	Công ty Sân phẩm khí VNĐ	Công ty Đồng Dương VNĐ	Công ty Cửa Long VNĐ	Công ty Phước Đông Việt VNĐ	Công ty Quảng Ngãi VNĐ	Tổng VNĐ
Lợi nhuận (lỗ) của cổ đông thiểu số	1.156.730.677	260.410.207	(177.927.545.691)	(67.797.888.692)	50.804.006.440	(3.933.468.055)	7.501.174.180	(45.925.909.086)	2.160.134.741	(233.702.355.279)
từ kết quả hoạt động kinh doanh	3.515.516	1.000.295	(82.289.969.267)	(23.785.907.195)	21.973.175.294	(2.412.395.958)	5.804.026.347	(21.002.944.997)	2.838.548	(101.706.661.417)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu và xe taxi

Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi - kinh doanh cung cấp kho nổi cho mỏ dầu

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác

Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Năm 2012**Bảng cân đối kế toán**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Không phân loại được VND	Tổng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	2.328.147.244.978	274.899.740.908	312.779.100.015	1.653.930.577.619	-	4.569.756.663.520
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết					15.663.779.523	15.663.779.523
Tài sản không phân bổ					3.346.566.045.779	3.346.566.045.779
Tổng tài sản hợp nhất						<u>7.931.986.488.822</u>
Nợ phải trả bộ phận	4.008.187.831.905	121.821.924.844	214.698.354.671	165.544.470.240	-	4.510.252.581.660
Nợ phải trả không phân bổ					108.900.264.902	108.900.264.902
Tổng nợ phải trả hợp nhất						<u>4.619.152.846.562</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.795.515.470.488	225.421.046.908	1.353.108.273.026	1.086.533.337.959	4.460.578.128.381
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	<u>1.795.515.470.488</u>	<u>225.421.046.908</u>	<u>1.353.108.273.026</u>	<u>1.086.533.337.959</u>	<u>4.460.578.128.381</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>289.291.146.087</u>	<u>49.923.597.170</u>	<u>18.477.405.547</u>	<u>103.606.066.933</u>	<u>461.298.215.737</u>
Chi phí không phân bổ					(247.987.843.509)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					213.310.372.228
Doanh thu hoạt động tài chính					172.701.533.483
Lợi nhuận khác					151.626.091.096
Chi phí tài chính					(504.453.919.026)
Lợi nhuận trước thuế					33.184.077.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(29.036.292.342)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.432.369.627
Lợi nhuận trong năm					<u>7.580.155.066</u>
Thông tin khác					
Khấu hao					<u>365.782.562.115</u>

12-C.T.T
H
Y
U HAN
TE
M
CHI MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2011**Bảng cân đối kế toán**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Không phân loại được VND	Tổng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	4.709.836.643.175	365.050.080.774	667.032.150	4.297.969.831	-	5.079.851.725.930
Lãi từ công ty liên kết					15.461.769.822	15.461.769.822
Tài sản không phân bổ					2.933.582.511.483	2.933.582.511.483
Tổng tài sản hợp nhất						<u>8.028.896.007.235</u>
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.017.524.712.040	228.181.329.123	-	-	-	4.245.706.041.163
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	786.819.358.145	786.819.358.145
Tổng nợ phải trả hợp nhất						<u>5.032.525.399.308</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.561.257.475.199	210.202.115.835	1.121.902.632.917	264.089.603.024	4.157.451.826.975
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	<u>2.561.257.475.199</u>	<u>210.202.115.835</u>	<u>1.121.902.632.917</u>	<u>264.089.603.024</u>	<u>4.157.451.826.975</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>281.131.682.620</u>	<u>43.266.392.921</u>	<u>2.090.784.188</u>	<u>67.205.320.752</u>	<u>393.694.180.481</u>
Chi phí không phân bổ					(137.887.531.772)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					255.806.648.709
Doanh thu hoạt động tài chính					264.582.900.222
Lợi nhuận khác					17.496.395.011
Chi phí tài chính					(472.222.288.408)
Lợi nhuận trước thuế					65.663.655.534
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(23.176.642.922)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					784.645.513
Lợi nhuận trong năm					<u>43.271.658.125</u>
Thông tin khác					
Khấu hao					406.921.517.435

25. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Dịch vụ vận tải	1.795.515.470.488	2.561.257.475.199
Dịch vụ cung cấp kho nổi	225.421.046.908	210.202.115.835
Thương mại	1.353.108.273.026	1.121.902.632.917
Dịch vụ khác	1.086.533.337.959	264.089.603.024
	<u>4.460.578.128.381</u>	<u>4.157.451.826.975</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VND	2011 VND
Dịch vụ vận tải	1.506.224.324.401	2.280.125.792.579
Dịch vụ cung cấp kho nổi	175.497.449.738	166.935.722.914
Thương mại	1.334.630.867.479	1.119.811.848.729
Dịch vụ khác	982.927.271.026	196.884.282.272
	<u>3.999.279.912.644</u>	<u>3.763.757.646.494</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	880.397.404.921	1.533.770.614.060
Chi phí nhân công	410.869.104.871	293.856.509.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.782.562.115	406.921.517.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.123.825.563	889.436.597.565
Chi phí khác	585.554.349.655	221.406.294.217
	3.069.727.247.125	3.345.391.532.762

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy đầu tư	142.046.665.885	195.392.516.221
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	128.947.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.694.315.590	1.292.042.656
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.096.431.617	54.417.896.325
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.281.653.608	575.150.031
	158.119.066.700	251.806.552.733

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	133.107.134.244	166.998.351.691
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.365.999.388	92.137.558.986
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	333.246.383.986	192.116.792.349
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.563.199.775
Chi phí tài chính khác	734.401.408	19.406.385.607
	504.453.919.026	472.222.288.408

30. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	463.891.727.275	5.604.618.567
Thu từ bồi thường bảo hiểm	3.801.270.318	9.639.221.641
Hao hụt vận chuyển	8.772.825.693	27.029.741.666
Thu nhập khác	12.471.193.460	23.625.127.911
	488.937.016.746	65.898.709.785
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	314.355.705.471	3.477.532.605
Hao hụt vận chuyển	12.219.738.558	26.445.935.562
Phạt vi phạm hợp đồng	2.915.920.000	-
Phạt vi phạm về thuế	2.454.766.677	-
Chi phí khác	5.364.794.944	18.478.846.607
	337.310.925.650	48.402.314.774
Lợi nhuận khác	151.626.091.096	17.496.395.011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	33.184.077.781	65.663.655.534
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(205.627.075.869)	(1.181.893.457)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(14.582.466.783)	(12.776.347.489)
Cộng: Các khoản lỗ của công ty con	302.686.297.219	25.553.473.386
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	24.756.383.096	19.465.679.237
Thu nhập chịu thuế	140.417.215.444	96.724.567.211
Lỗ năm trước mang sang	(18.175.496.069)	(6.179.640.330)
Thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh	122.241.719.375	90.544.926.881
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.560.429.844	22.636.231.721
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	380.535.355	540.411.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(1.904.672.857)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	29.036.292.342	23.176.642.922

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

(*) Vào ngày 21 tháng 08 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 140/2012/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về áp dụng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012. Theo đó, một số công ty con của Tổng Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trong năm	7.580.155.066	43.271.658.125
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	(101.706.661.417)	17.986.970.885
- Cổ đông của Tổng công ty	109.286.816.483	25.284.687.240
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	109.286.816.483	25.284.687.240
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	232.600.000	232.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	470	109

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2011, Tổng Công ty đã ký hợp đồng đóng mới 1 tàu chở dầu thô trọng tải 104.000 DWT với Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, gọi tắt là bên Bán. Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng cho bên Bán với tổng số tiền tạm ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 433.440.000.000 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 158.595.459.854 đồng) để phục vụ cho việc đóng và hoàn thiện tàu con tàu này. Trị giá của hợp đồng này sẽ do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định.

Tổng Công ty Vận tải Dầu khí đã ký kết hợp đồng đóng tàu với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty Thái Bình Dương. Giá trị ước tính của con tàu là 84.288.802 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 1.055.171.838.531 đồng (tương đương 50.692.858 đô la Mỹ).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	65,120,378,838	286,632,772,951
Tại ngày kết thúc niên độ, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	19.621.803.885	30.979.231.766
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	16.128.437.935	33.930.585.326
Sau năm năm	2.209.806.470	28.381.155.626
	<u>37.960.048.290</u>	<u>93.290.972.718</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê đất, thuê văn phòng và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ ba năm đến bảy năm. Các khoản thuê đất được ký với thời hạn từ năm đến bốn mươi năm và khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn là 20 năm.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	3.950.011.668.584	4.302.875.132.596
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.088.991.821.550	819.863.449.693
Nợ thuần	2.861.019.847.034	3.483.011.682.903
Vốn chủ sở hữu	2.589.507.174.209	2.274.448.141.887
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,10	1,53

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.088.991.821.550	819.863.449.693
Đầu tư tài chính ngắn hạn	142.334.829.900	471.947.307.700
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	990.200.873.890	849.468.765.802
Đầu tư tài chính dài hạn	233.063.276.252	50.139.975.112
Tài sản tài chính khác	4.847.691.503	17.276.434.478
	2.459.438.493.095	2.208.695.932.785
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	944.152.845.914	785.481.513.551
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	469.678.642.328	508.347.521.641
Chi phí phải trả	77.598.665.637	108.533.793.135
Vay và nợ dài hạn	3.005.858.822.670	3.517.393.619.045
	4.497.288.976.549	4.919.756.447.372

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	282.495.563.536	215.754.705.446	3.656.247.975.990	3.575.627.386.396
Euro (EUR)	8.959.372	8.959.372	-	-
Yên nhật (JPY)	27.543	27.543	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	(253.410.168.785)	(337.375.241.245)
Euro (EUR)	1.498.470	895.937
Yên nhật (JPY)	(196.009.570)	2.754

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

<u>31/12/2012</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.088.991.821.550	-	1.088.991.821.550
Đầu tư tài chính ngắn hạn	142.334.829.900	-	142.334.829.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	990.200.873.890	-	990.200.873.890
Đầu tư tài chính dài hạn	-	233.063.276.252	233.063.276.252
Các khoản ký quỹ	-	4.847.691.503	4.847.691.503
	<u>2.221.527.525.340</u>	<u>237.910.967.755</u>	<u>2.459.438.493.095</u>
Vay và nợ ngắn hạn	944.152.845.914	-	944.152.845.914
Phải trả người bán và phải trả khác	452.688.740.930	16.989.901.398	469.678.642.328
Chi phí phải trả	77.598.665.637	-	77.598.665.637
Vay và nợ dài hạn	-	3.005.858.822.670	3.005.858.822.670
	<u>1.474.440.252.481</u>	<u>3.022.848.724.068</u>	<u>4.497.288.976.549</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>747.087.272.859</u>	<u>(2.784.937.756.313)</u>	<u>(2.037.850.483.454)</u>
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	819.863.449.693	-	819.863.449.693
Đầu tư tài chính ngắn hạn	471.947.307.700	-	471.947.307.700
Phải thu khách hàng và phải thu khác	849.468.765.802	-	849.468.765.802
Đầu tư tài chính dài hạn	-	50.139.975.112	50.139.975.112
Các khoản ký quỹ	483.449.000	16.792.985.478	17.276.434.478
	<u>2.141.762.972.195</u>	<u>66.932.960.590</u>	<u>2.208.695.932.785</u>
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	785.481.513.551	-	785.481.513.551
Phải trả người bán và phải trả khác	508.347.521.641	-	508.347.521.641
Chi phí phải trả	108.533.793.135	-	108.533.793.135
Vay và nợ dài hạn	-	3.517.393.619.045	3.517.393.619.045
	<u>1.402.362.828.327</u>	<u>3.517.393.619.045</u>	<u>4.919.756.447.372</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>739.400.143.868</u>	<u>(3.450.460.658.455)</u>	<u>(2.711.060.514.587)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	<u>2012</u> <u>VND</u>	<u>2011</u> <u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.994.904.707.349	1.092.313.729.156
Công ty TNHH PVTRANS - EMAS	<u>197.548.563.388</u>	<u>34.132.021.785</u>
Chi phí lãi vay		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>38.770.135.061</u>	<u>18.594.113.852</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

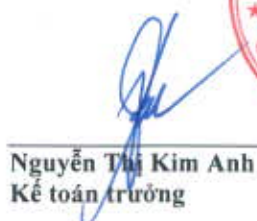
	2012	2011
	VND	VND
Lương	3.858.755.453	3.473.746.839
Thưởng	1.046.985.209	1.937.000.069
	4.905.740.662	5.410.746.908

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	339.207.862.643	1.128.253.125.340
Công ty TNHH PVTRANS - EMAS	53.436.578.044	40.103.705.503
Trả trước cho người bán		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	854.070.307.920	579.225.767.774
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	109.939.796.427	188.827.874.156
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.319.915.810.891	1.059.023.230.202



Nguyễn Bá Công
 Người lập biểu
 Ngày 27 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng




Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc

